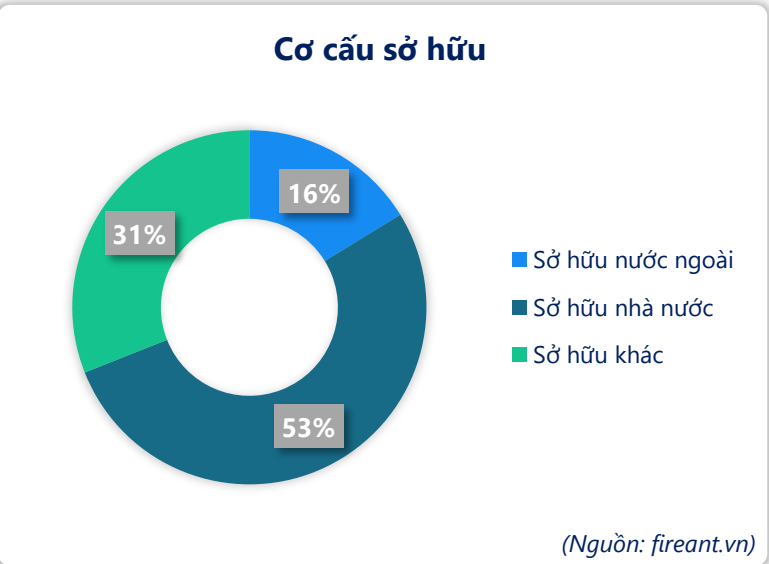
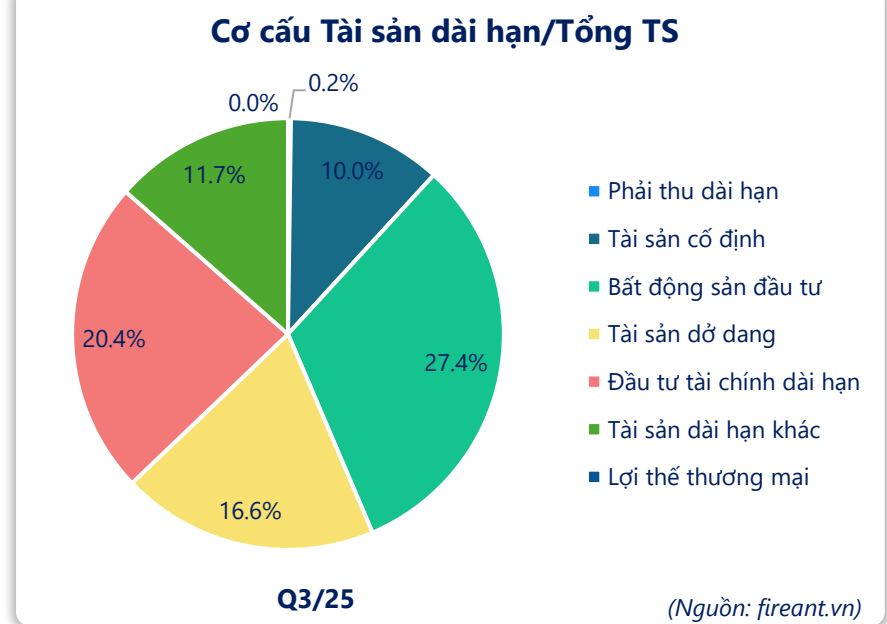
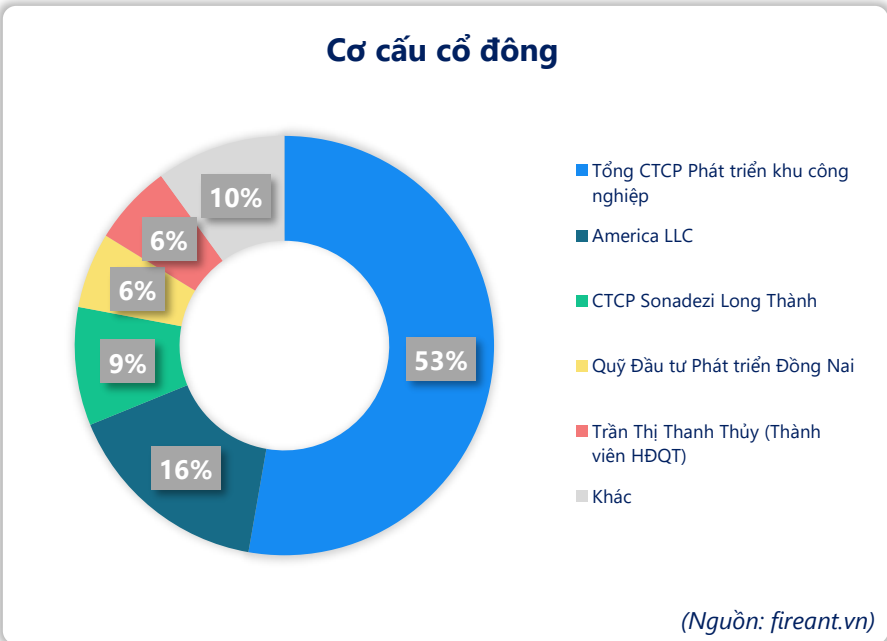
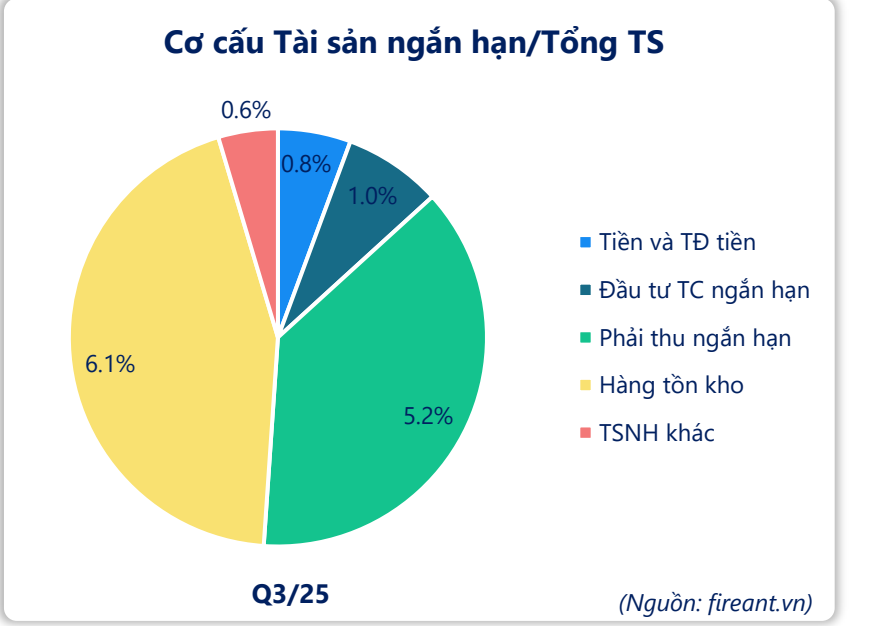
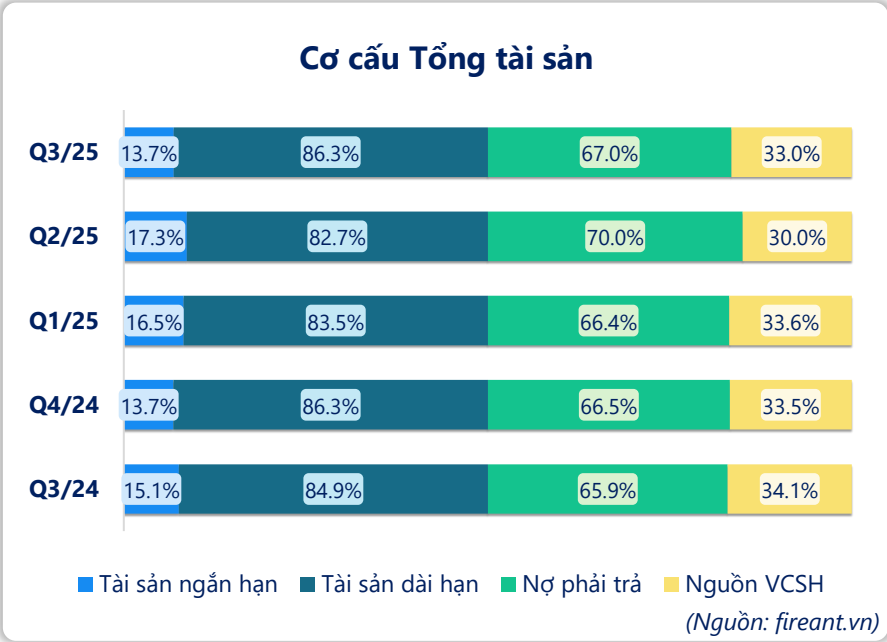


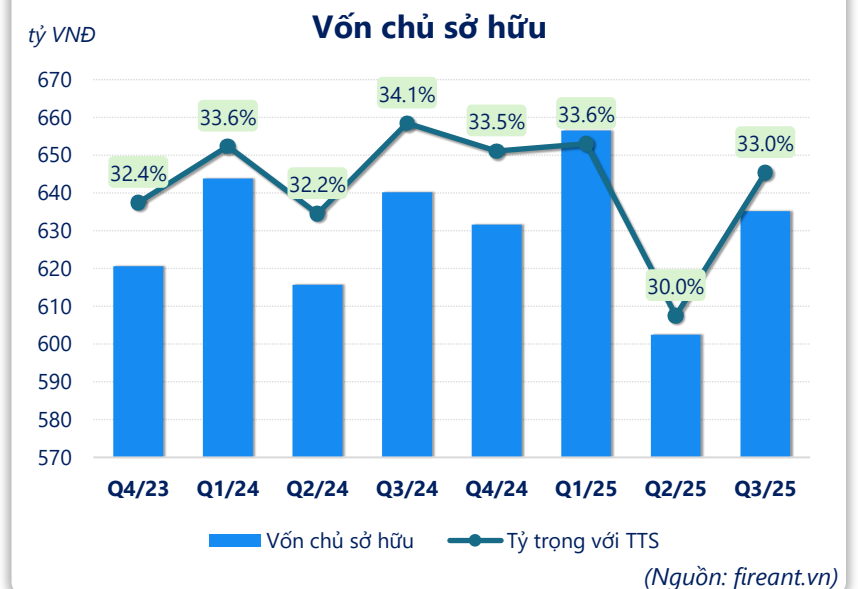
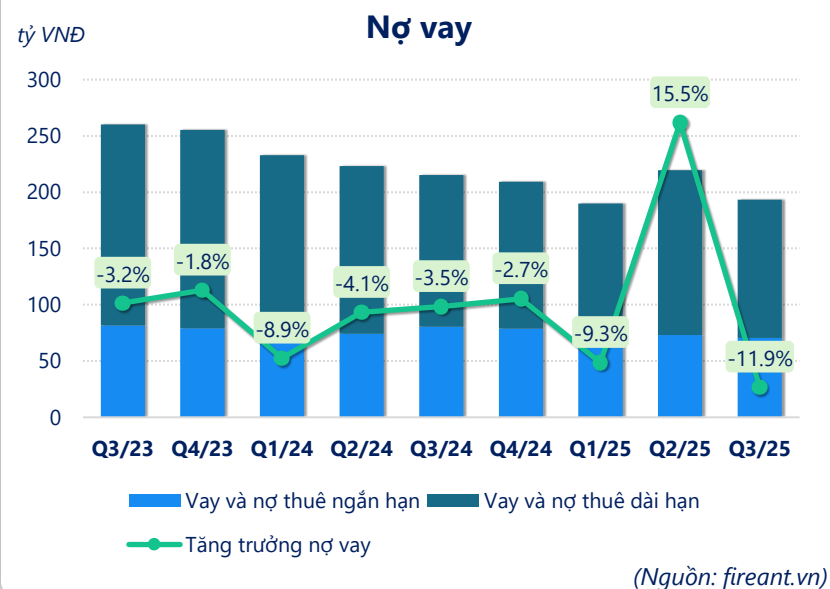
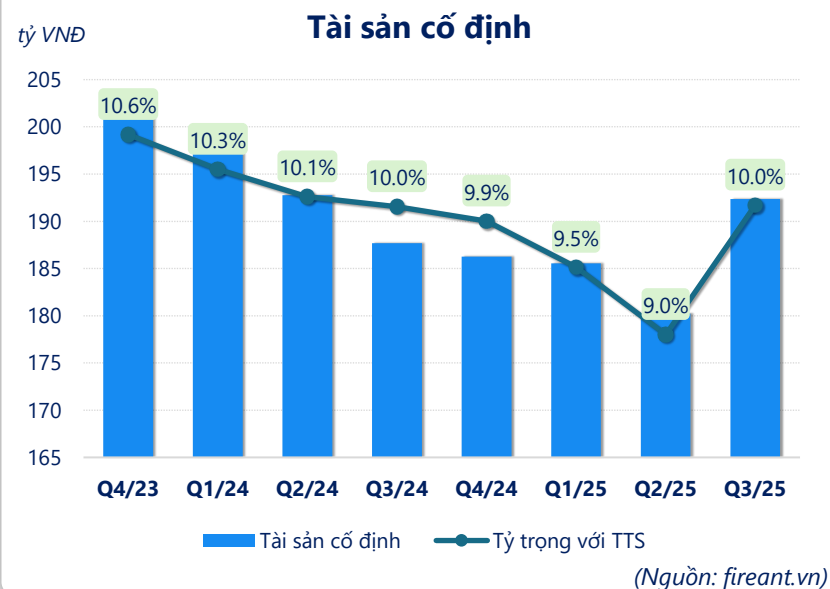
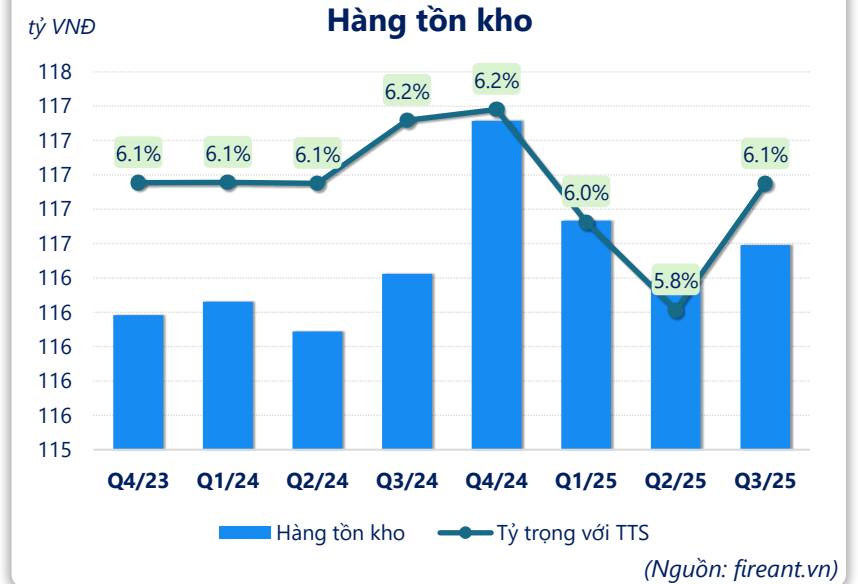
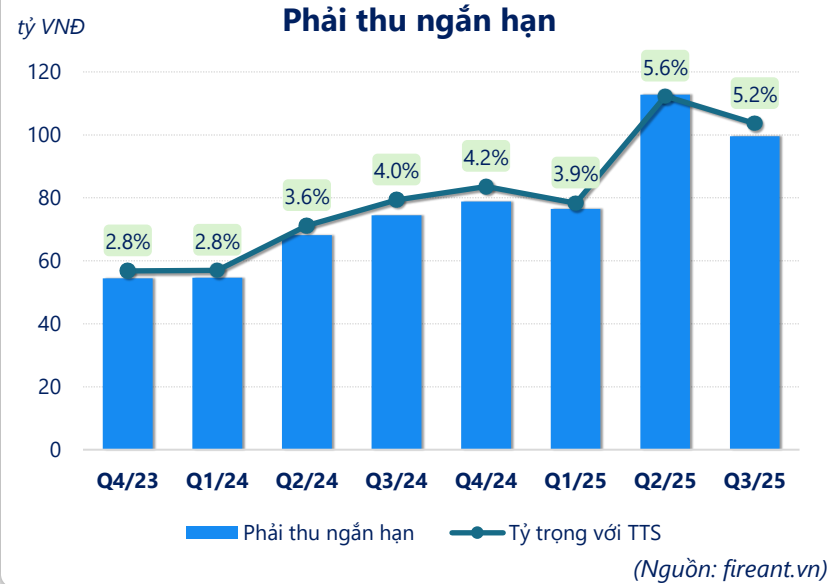
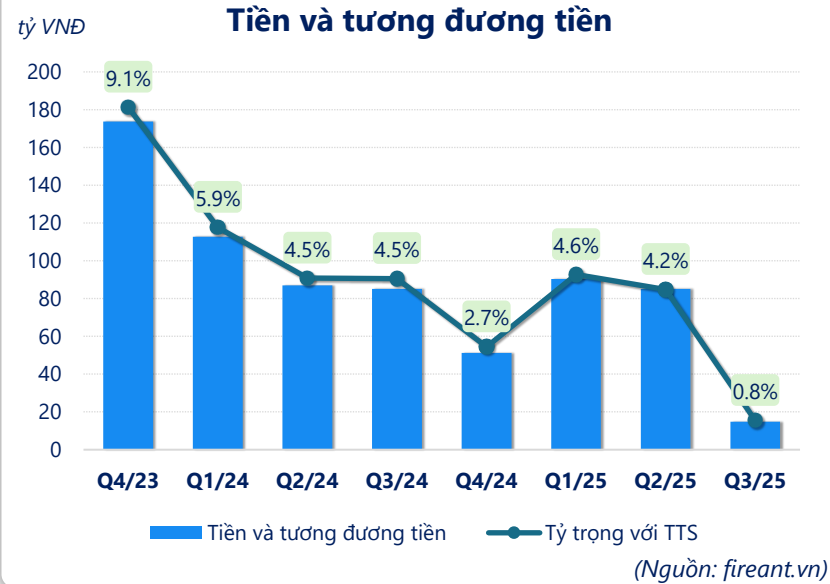
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		44,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,416
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,632
SL cổ phiếu LH		27,344,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,555
% sở hữu nước ngoài		16.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,217
P/E		10.5
EPS		4,231

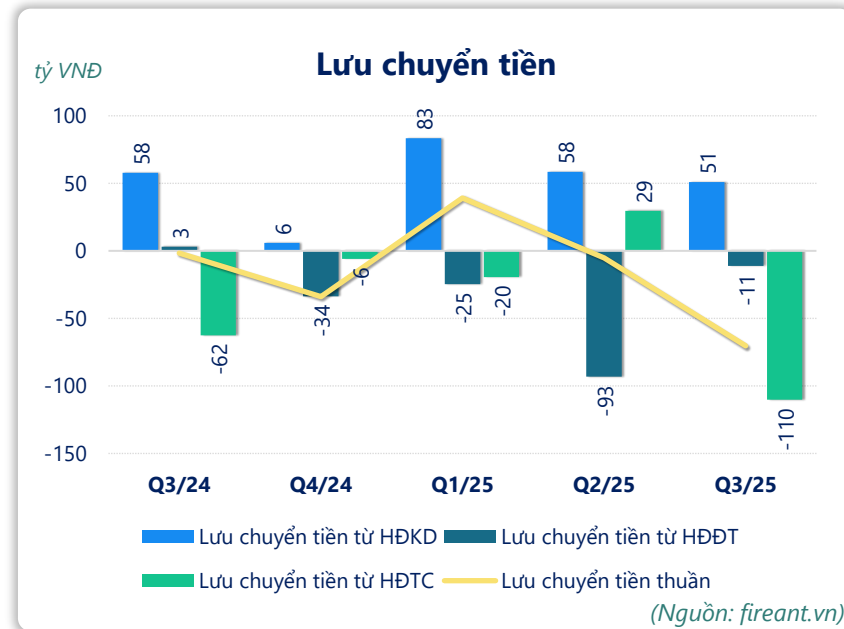
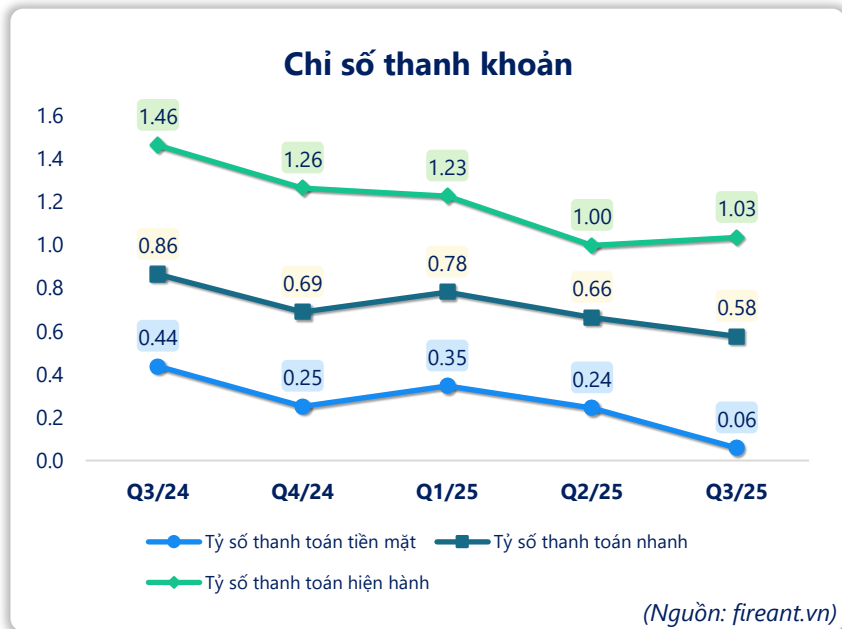
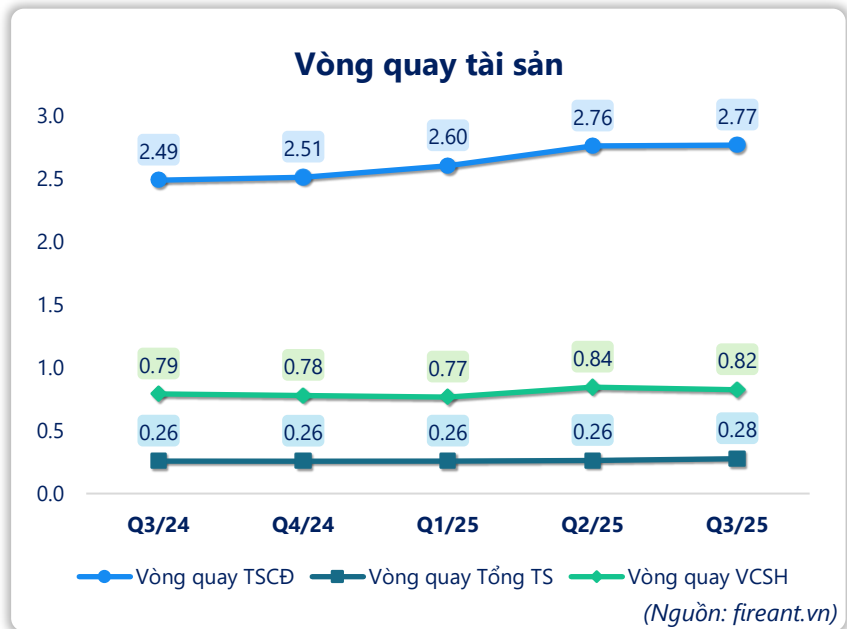
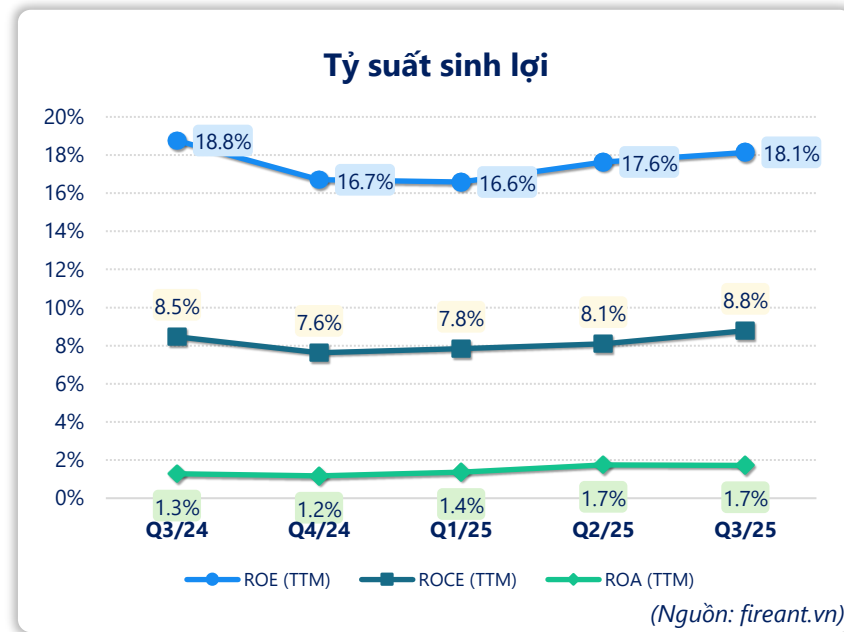
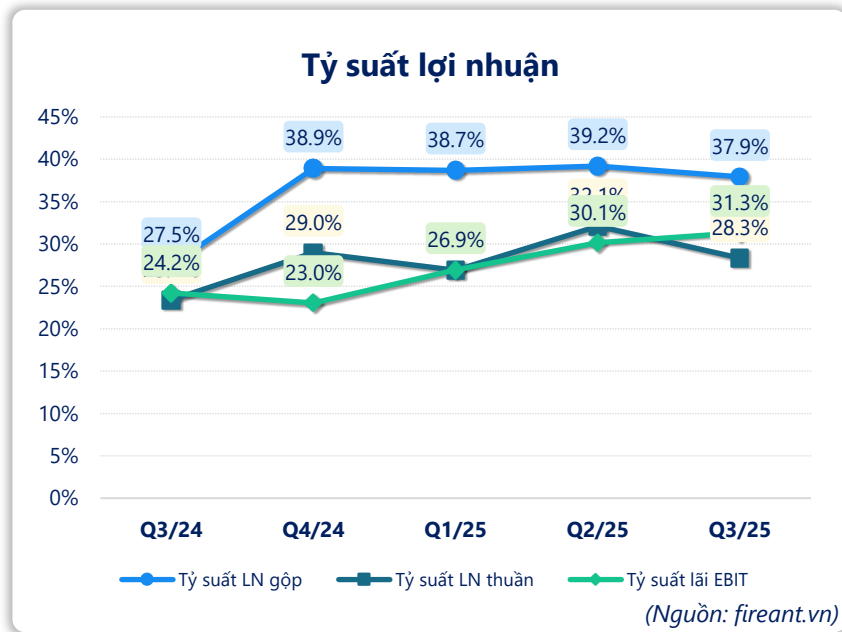
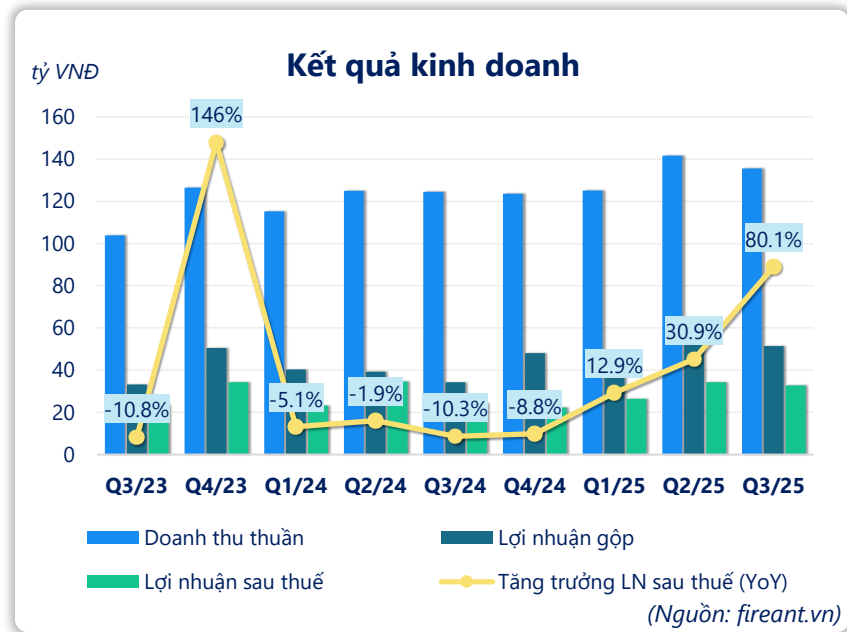
	YTD	1T	3T	6T
SZL	12.3%	3.5%	14.5%	3.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Sonadezi Long Thành (HSX: SZL)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,923	1,886	2.0%
Tài sản ngắn hạn	263	278	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	14.8	51.3	-71.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	99.6	78.9	26.3%
Hàng tồn kho	117	117	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	12.1	10.2	19.0%
Tài sản dài hạn	1,660	1,608	3.2%
Phải thu dài hạn	3.68	3.68	0.0%
Tài sản cố định	192	186	3.3%
Bất động sản đầu tư	528	498	6.0%
Tài sản dở dang	320	315	1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	392	392	0.0%
Tài sản dài hạn khác	225	213	5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,288	1,256	2.6%
Nợ ngắn hạn	254	205	23.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.6	78.9	-10.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.6	18.5	17.0%
Nợ dài hạn	1,034	1,051	-1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	123	131	-6.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	635	630	0.8%
Vốn chủ sở hữu	635	630	0.8%
Vốn điều lệ	291	291	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	124	124	125	142	136
Giá vốn hàng bán	90.2	75.5	76.7	86.1	84.2
Lợi nhuận gộp	34.2	48.1	48.4	55.5	51.4
Doanh thu HĐTC	6.79	3.62	0.29	8.58	0.29
Chi phí TC	0.98	0.83	0.52	0.90	1.33
Chi phí lãi vay	0.98	0.83	0.52	0.90	1.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.86	1.24	1.09	1.05	1.69
Chi phí QLDN	10.1	13.8	13.4	16.7	10.3
LN thuần từ HĐKD	29.1	35.8	33.6	45.4	38.4
Lợi nhuận khác	0.05	-8.16	-0.48	-3.68	2.71
LN trước thuế	29.2	27.6	33.2	41.8	41.1
Lợi nhuận sau thuế	24.5	22.3	26.4	34.2	32.7
LNST của CĐ cty mẹ	24.5	22.3	26.4	34.2	32.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.7	5.85	83.4	58.4	51.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.09	-33.8	-24.7	-93.2	-11.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-62.5	-5.89	-19.5	29.5	-110
Tiền đầu kỳ	86.9	85.1	51.3	90.4	85.1
Lưu chuyển tiền thuần	-1.71	-33.8	39.1	-5.29	-70.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.10	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	85.1	51.3	90.4	85.1	14.8

(Nguồn: fireant.vn)